

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BT

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-6-2022

V/v: *Tranh chấp “Ly hôn, con chung”*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP
TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Hưng Quang**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Lam**

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiên Uyên– Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13/6/2022, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Xóm 20, thôn Hà Thủy 2, xã Chí Công, TP, BT.

- Bị đơn: Anh **Văn Ngọc H**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu phố Hải Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn **Phạm Thị L** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **L** và anh **H** quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian thì quyết định sống chung với nhau vào năm 2017 đến năm 2018 đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2018 ngày 06/4/2018. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị L đã nộp đơn yêu cầu ly hôn anh H, do anh H hứa sẽ sửa đổi và xin chị L tha thứ nên chị L đã chấp nhận cho anh H cơ hội để vợ chồng cùng đoàn tụ nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, sau khi quay về chung sống lại với nhau, anh H đã sử dụng vũ lực đối với chị L. Nay, chị L nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị ly hôn với anh H. Về con chung, chị L và anh H có 01 (Một) con chung tên Văn Ngọc Thiện, sinh ngày 27-4-2018, đang do chị L nuôi dưỡng nên chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, chị L trình bày không có.

2. Đối với bị đơn- anh Văn Ngọc H, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H không nhận nên đã tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật. Anh H không đến Tòa án để giải quyết nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị L ly hôn với anh Văn Ngọc H, giao con chung Văn Ngọc Thiện cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh Văn Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị L có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa chị L với anh Văn Ngọc H (đều có hộ khẩu thường trú tại xã Chí Công và thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP), nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu anh Văn Ngọc H đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng anh Văn Ngọc H

không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Văn Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, chị Phạm Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Văn Ngọc H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị L và anh H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa nên hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp. Chị L đã từng một lần nộp đơn yêu cầu ly hôn và Tòa án đã hòa giải cho chị L, anh H đoàn tụ để chung sống với nhau cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, sau khi quay về chung sống thì cả hai tiếp tục mâu thuẫn và không hàn gắn được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho anh H đến giải quyết nhưng anh H không chấp hành, điều này chứng tỏ anh H không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

[3] Về con chung: Con chung của chị L và anh H là Văn Ngọc Thiện (sinh ngày 27-4-2018) đang do chị L nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Do chị L không có yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh Văn Ngọc H.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L đối với anh Văn Ngọc H. Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2018 ngày 06/4/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên Văn Ngọc Thiện (sinh ngày 27-4-2018) cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Văn Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị L không có yêu cầu. Anh Văn Ngọc H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003426 ngày 29/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2022). Anh Văn Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

-VKSND BT;

-VKSND TP

-Nguyên đơn;

-Bị đơn;

-Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Huyền